DỰ THẢO 1 (20.6.2018)

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /2018/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị,**

**dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định* *quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.*

**Chương I.**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục nhập khẩu và hoạt động giám định đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệđã qua sử dụng có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc Chương 84 và Chương 85 quy định tại Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017, được nhập khẩu nhằm sử dụng cho hoạt động **sản xuất** mà không thuộc các Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định.

2. Quyết định này không áp dụng đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Quá cảnh; trung chuyển hàng hóa;

b) Kinh doanh chuyển khẩu;

c) Kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thực hiện hợp đồng đặt gia công tại nước ngoài;

d) Máy móc, thiết bị từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan;

đ) Nhập khẩu để thực hiện hợp đồng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng với thương nhân nước ngoài;

e) Mua bán giữa các doanh nghiệp chế xuất; doanh nghiệp chế xuất bán tài sản thanh lý vào nội địa;

f) Nhận chuyển giao từ đối tác nước ngoài sau khi kết thúc hợp đồng thuê mua tài chính;

g) Phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mà trong nước chưa sản xuất được; phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng theo yêu cầu của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

h) Máy móc, thiết bị thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

 i) Máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực chuyên ngành mà các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã có văn bản quy phạm pháp luật để quản lý *(ví dụ: ngành in, mã số HS 84.40 đến 84.43);*

k) Các trường hợp nhập khẩu theo Quyết định cá biệt của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, doanh nghiệp (dưới đây viết chung là doanh nghiệp) nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

2. Các tổ chức giám định thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định này.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

 **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

 Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Máy móc, thiết bị* là một kết cấu hoàn chỉnh, gồm các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận có liên kết với nhau để vận hành, chuyển động theo mục đích sử dụng được thiết kế.

2. *Dây chuyền công nghệ* là hệ thống các máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt theo sơ đồ, quy trình công nghệ bảo đảm vận hành đồng bộ để sản xuất sản phẩm*.*

3*. Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng* là máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sau khi xuất xưởng đã được lắp ráp và vận hành hoạt động.

4. *Tuổi thiết bị (tính theo năm)* là thời gian được xác định từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu của máy móc, thiết bị đã qua sử dụng. Năm nhập khẩu là năm hàng hóa về đến cảng Việt Nam.

5. *Trường hợp đặc biệt* là trường hợp máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có tuổi thiết bị vượt quá tiêu chí nhập khẩu quy định tại Quyết định này nhưng doanh nghiệp cần thiết phải nhập khẩu để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ** **đã qua sử dụng**

 1. Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu phải tuân thủ quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ về nhập khẩu hàng hóa.

 2. Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu đã được quản lý theo luật chuyên ngành thì áp dụng theo quy định của luật chuyên ngành; các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

 3. Không được phép nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng mà các nước đã công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường.

4.Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng khi nhập khẩu phải đáp ứng với các yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của các dự án đầu tư phải được giám định tại nước xuất khẩu trong trạng thái hoạt động trước khi tháo dỡ, đóng gói để nhập khẩu.

**Chương II.**

**TIÊU CHÍ NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ ĐÃ QUA SỬ DỤNG**

**Điều 5. Tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ** **đã qua sử dụng của dự án đầu tư**

1. Được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) và Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Công suất hoặc hiệu suất còn lại so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế:

*Phương án 1: từ 70% trở lên.*

*Phương án 2: từ 85% trở lên.*

3. Mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng so với thiết kế.

*Phương án 1: không được vượt quá 30%*

*Phương án 2: không được vượt quá 15%*

4. Mức xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định về môi trường của pháp luật Việt Nam.

5. Công nghệ của dây chuyền công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao; Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.

6. Công nghệ của dây chuyền công nghệ đang được sử dụng phổ biến tại các nước phát triển.

**Điều 6. Tiêu chí đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng**

 1. Tuổi thiết bị (tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu) không vượt quá 10 năm.

- Đối với thiết bị đã qua sử dụng thuộc một số lĩnh vực cụ thể, tuổi thiết bị được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

*Cách tính tuổi thiết bị (X): X = Năm nhập khẩu - Năm sản xuất*

*Tuổi thiết bị được tính theo năm, không tính theo tháng.*

*Ví dụ: thiết bị được sản xuất năm 2008, nhập khẩu về đến cảng Việt Nam trong năm 2018.*

 *X = 2018 - 2008 = 10 (năm)*

2. Được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) và Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

**Chương III.**

**HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ ĐÃ QUA SỬ DỤNG**

**Điều 7. Hồ sơ, trình tự thủ tục nhập khẩu dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của dự án đầu tư**

1. Hồ sơ nhập khẩu:

Ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải bổ sung tài liệu sau:

a) Bản sao chứng thực Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của doanh nghiệp.

b) Chứng thư giám định được cấp bởi một tổ chức giám định được chỉ định theo quy định tại Quyết định này, với kết luận thiết bị đã qua sử dụng phù hợp với quy định tại Điều 5 Quyết định này.

2. Trình tự, thủ tục nhập khẩu:

Doanh nghiệp nộp hồ sơ nhập khẩu và tài liệu về Cơ quan hải quan, nơi nhập khẩu dây chuyền công nghệ.

Cơ quan hải quan căn cứ tài liệu doanh nghiệp nộp đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện thủ tục thông quan theo quy định.

**Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng**

1. Hồ sơ nhập khẩu:

Ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải bổ sung Chứng thư giám định được cấp bởi một tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của Quyết định này, với kết luận về năm sản xuất và tiêu chuẩn sản xuất của máy móc, thiết bị đã qua sử dụng phù hợp với quy định tại Điều 6 Quyết định này.

2. Trình tự, thủ tục nhập khẩu:

Doanh nghiệp nộp hồ sơ nhập khẩu và chứng thư giám định về Cơ quan hải quan, nơi nhập khẩu máy móc, thiết bị.

Cơ quan hải quan căn cứ tài liệu doanh nghiệp nộp đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện thủ tục thông quan theo quy định.

3. Đưa hàng về bảo quản:

a) Trường hợp nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng mà tại thời điểm nhập khẩu chưa có chứng thư giám định quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp được đưa hàng hóa về bảo quản sau khi nộp Cơ quan hải quan các tài liệu sau:

- Giấy đăng ký giám định có xác nhận đã đăng ký của một tổ chức giám định được chỉ định.

- Văn bản đề nghị đưa hàng hóa về bảo quản theo mẫu số 09/BQHH/GSQL Phụ lục V, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày đưa máy móc, thiết bị về bảo quản, doanh nghiệp phải nộp Cơ quan hải quan chứng thư giám định đã cam kết. Cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục thông quan khi máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đáp ứng yêu cầu tại Điều 6 Quyết định này.

Trường hợp sau khi giám định có kết quả không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 6 Quyết định này, doanh nghiệp phải thực hiện tái xuất máy móc, thiết bị đã qua sử dụng theo quy định.

**Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đối với trường hợp đặc biệt**

1. Trường hợp đặc biệt là trường hợp máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có tuổi thiết bị vượt quá tiêu chí quy định tại Điều 6 Quyết định này nhưng doanh nghiệp cần thiết phải nhập khẩu để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất.

Căn cứ hồ sơ tài liệu và kiến nghị của doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ tài liệu đề nghị cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trường hợp đặc biệt, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng của doanh nghiệp, theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Bản giải trình về sự cần thiết của máy móc, thiết bị dự kiến nhập khẩu trong dây chuyền công nghệ.

d) Chứng thư giám định được cấp bởi một tổ chức giám định được chỉ định theo quy định tại Quyết định này, đánh giá về tình trạng thiết bị, năm sản xuất, đánh giá về các thông số kỹ thuật; đánh giá về tình trạng hoạt động, tình trạng bảo trì, bảo dưỡng; mức độ đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

đ) Bản sao Tài liệu chứng minh việc bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc, thiết bị theo quy định của nhà sản xuất.

e) Hình ảnh thiết bị (ảnh màu).

f) Hợp đồng mua bán (nếu có).

Hồ sơ tài liệu được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Trình tự, thủ tục xem xét hồ sơ

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung tài liệu.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ gửi văn bản kèm theo bản chụp hồ sơ đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan có ý kiến.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có ý kiến trả lời về việc đồng ý hoặc không đồng ý với đề xuất được nhập khẩu thiết bị của doanh nghiệp.

c) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời doanh nghiệp, trường hợp không chấp thuận đề nghị nhập khẩu thiết bị cần nêu rõ lý do.

d) Trường hợp cần thiết (thiết bị có công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; được sử dụng trong nhiều ngành, nhiều mục đích), Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để xem xét, đánh giá hồ sơ nhập khẩu thiết bị và có văn bản trả lời doanh nghiệp trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Về kinh phí tổ chức hội đồng:

*Phương án 1. Kinh phí tổ chức hội đồng được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước.*

*Phương án 2. Chi phí tổ chức Hội đồng do doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu bảo đảm.*

**Điều 10. Hội đồng tư vấn kỹ thuật**

1. Hội đồng tư vấn kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

2. Hội đồng phải có số lượng thành viên lẻ, tối đa 09 thành viên, bao gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký và các ủy viên khác. Trong đó: 2/3 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ có uy tín, có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công nghệ, thiết bị; 1/3 thành viên là đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, đại diện các tổ chức có liên quan.

3. Hội đồng có trách nhiệm xem xét, đánh giá hồ sơ kỹ thuật của thiết bị và tư vấn, đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cho phép hoặc không cho phép nhập khẩu.

4. Phương thức, nội dung làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp Hội đồng được tổ chức trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng và chỉ được tiến hành khi đảm bảo có mặt ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền; 02 ủy viên phản biện (ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo).

b) Hồ sơ, tài liệu về thiết bị nhập khẩu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp ít nhất 03 ngày làm việc.

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ. Các thành viên Hội đồng xem xét, thảo luận, phân tích các nội dung trong Hồ sơ.

d) Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

đ) Biên bản làm việc của Hội đồng được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc phiên họp Hội đồng, biên bản làm việc và các tài liệu kèm theo phải được gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Chương IV.**

**HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ ĐÃ QUA SỬ DỤNG**

**Điều 11. Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng**

1. Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nêu tại Quyết định này, ngoài các thông tin cơ bản của một chứng thư, phần kết luận phải thể hiện các nội dung sau:

a) Tên, năm sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, model, nước sản xuất và tên nhà sản xuất của máy móc, thiết bị đã qua sử dụng;

b) Kết luận về sự phù hợp của dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng với các tiêu chí quy định tại Điều 5 Quyết định này.

c) Kết luận về sự phù hợp của máy móc, thiết bị đã qua sử dụng với các tiêu chí quy định tại Điều 6 Quyết định này.

d) Kết luận về tình trạng của máy móc, thiết bị: năm sản xuất, đánh giá về các thông số kỹ thuật chính; đánh giá về tình trạng hoạt động, tình trạng bảo trì, bảo dưỡng; mức độ đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường (đối với thiết bị trong trường hợp đặc biệt).

đ) Thời gian, địa điểm giám định, tình trạng thiết bị khi giám định (đang hoạt/không hoạt động).

2. Việc giám định dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của các dự án đầu tư nêu tại Điều 5 Quyết định này phải được thực hiện tại nước xuất khẩu trong trạng thái hoạt động, trước khi tháo dỡ, đóng gói để nhập khẩu.

Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện giám định máy móc, thiết bị đã qua sử dụng tại nước xuất khẩu, trước khi đóng gói và nhập khẩu.

3. Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng phải được cấp bởi tổ chức giám định được chỉ định theo quy định tại Quyết định này.

4. Hiệu lực của chứng thư giám định, không quá 18 tháng tính từ thời điểm cấp đến thời điểm máy móc, thiết bị về đến cảng Việt Nam.

 **Điều 12. Điều kiện đối với Tổ chức giám định được chỉ định**

1. Đối với tổ chức giám định trong nước:

a) Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định theo quy định tại *Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp*, trong đó có lĩnh vực giám định máy móc, thiết bị, công nghệ.

b) Được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

2. Đối với tổ chức giám định nước ngoài:

a) Đã tuân thủ quy định pháp luật nước sở tại về hoạt động giám định.

b) Đã được cấp Chứng chỉ công nhận hoạt động giám định trong lĩnh vực giám định máy móc, thiết bị, công nghệ.

c) Có ít nhất 03 giám định viên được đào tạo chuyên môn về kỹ thuật chuyên ngành và có kinh nghiệm giám định máy móc, thiết bị, công nghệ ít nhất 02 năm trở lên.

d) Được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

**Điều 13. Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký chỉ định và thẩm quyền chỉ định**

1. Hồ sơ đăng ký và trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức giám định trong nước:

Được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 *Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*, Điều 18b, 18c, 18d.

2. Hồ sơ đăng ký và trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức giám định nước ngoài:

a) Được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng về thành phần hồ sơ đăng ký, “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định” được thay thế bằng “Bản sao chứng thực Văn bản cho phép hoạt động giám định của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi tổ chức giám định đăng ký hoạt động, kèm bản dịch tiếng Việt được hợp pháp hóa lãnh sự”.

b) Các văn bản và tài liệu trong hồ sơ phải được dịch sang tiếng Việt.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thực hiện việc chỉ định.

**Chương V.**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong hoạt động quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng quy định tại Quyết định này và các văn bản có liên quan.

2. Công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục máy móc, thiết bị đã qua sử dụng mà các nước đã công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường.

3. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng do doanh nghiệp nhập khẩu khi đi vào hoạt động và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Phối hợp với Tổng cục Hải quan định kỳ hàng năm thống kê số liệu về tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng (tên doanh nghiệp nhập khẩu, địa chỉ liên lạc, lĩnh vực sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, nước sản xuất, giá trị nhập khẩu), các trường hợp vi phạm buộc tái xuất, xử phạt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Tổ chức việc chỉ định tổ chức giám định; việc thừa nhận kết quả giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của tổ chức giám định nước ngoài và công bố Danh sách tổ chức giám định được chỉ định, được thừa nhận trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

1. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Xác định tiêu chí nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đối với lĩnh vực được phân công quản lý, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Điều 16. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu**

1. Thực hiện nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu xử phạt nếu vi phạm quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

**Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức giám định được chỉ định**

1. Thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, khoa học trong hoạt động; tuân thủ quy định của pháp luật về giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của kết quả giám định; đồng thời chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động giám định này.

3. Sau khi giám định dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của dự án đầu tư (quy định tại Điều 5 Quyết định này), phải gửi 01 bản sao Chứng thư giám định về Bộ Khoa học và Công nghệ.

 **Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp các hợp đồng mua bán đã được ký kết và máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu đã được đưa lên phương tiện vận chuyển trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không thuộc sự điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối với các dự án đầu tư có nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đã thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2015/TT-BKHCN và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện nhập khẩu máy móc, thiết bị và không thuộc sự điều chỉnh của Quyết định này.

3. Tổ chức giám định đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử theo quy định của Thông tư số 23/2015/TT-BKHCN, tối đa 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, phải hoàn thành việc bổ sung hồ sơ để được xem xét, chỉ định theo quy định tại Quyết định này.

**Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, doanh nghiệp phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (3b). | **THỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

PHỤ LỤC 1

…………/2018/QĐ-TTg

QUY ĐỊNH VỀ TUỔI THIẾT BỊ ĐỐI VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên lĩnh vực** | **Mã số HS** | **Tuổi thiết bị (tính theo năm) không vượt quá** |
| 1 | Cơ khí | 84.20; 84.27; 84.54 đến 84.63; 84.66; 84.79 | 20 |

\* Danh sách này sẽ được tiếp tục cập nhật.

\* Các Bộ, ngành đề xuất cụ thể tiêu chí theo lĩnh vực, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

PHỤ LỤC 02

…………/2018/QĐ-TTg

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN-----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:………………….*V/v: đề nghị nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng trường hợp đặc biệt.* | *…….., ngày……tháng……năm ……..* |

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tổ chức /Cá nhân

Mã số thuế

CMND/Hộ chiếu số

Địa chỉ:

Số điện thoại/số fax:

Người đại diện pháp luật (đối với tổ chức):

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ngày cấp, nơi cấp….

Chúng tôi có nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Đơn vị tính** | **Giá trị (dự kiến)** | **Năm sản xuất** | **Công suất** | **Nước sản xuất/xuất xứ** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |   |   |  |  |   |   |   |   |

Mục đích nhập khẩu:……………………………………………………….

*Tổ chức, cá nhân*… cần nêu rõ lý do, sự cần thiết phải nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng vượt quá tiêu chí nhập khẩu.

- Thuyết minh về sự phù hợp của máy móc, thiết bị cần nhập khẩu đối với dây chuyền công nghệ đang hoạt động, tên và số lượng máy móc, thiết bị trong danh mục thiết bị của dây chuyền công nghệ, thông số kỹ thuật chính của máy móc, thiết bị đáp ứng quy mô, công suất của dây chuyền công nghệ.

- Thuyết minh và cam kết máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Thời gian dự kiến nhập khẩu:

Các tài liệu gửi kèm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;.

c) Bản giải trình về sự cần thiết của máy móc, thiết bị dự kiến nhập khẩu trong dây chuyền công nghệ.

c) Chứng thư giám định tình trạng máy móc, thiết bị gồm: năm sản xuất, đánh giá về các thông số kỹ thuật; đánh giá về tình trạng hoạt động, mức độ đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

 d) Bản sao Tài liệu chứng minh việc bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc, thiết bị theo quy định của nhà sản xuất.

đ) Hình ảnh của máy móc, thiết bị (ảnh màu).

e) Hợp đồng mua bán (nếu có).

*Tổ chức/Cá nhân*….. cam kết về tính chính xác của thông tin trên.

*Tổ chức/cá nhân…..* cam kết nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng nêu trên để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- …….- Lưu: ………… | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(Ký tên, đóng dấu)* |

PHỤ LỤC 03

………../2018/QĐ-TTg

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*..........., ngày…tháng…năm…*

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

HỒ SƠ MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

**1. Họ và tên chuyên gia:** ………………………………………………..

1.1. Cơ quan công tác:………………………………………………………...

1.2. Là thành viên Hội đồng tư vấn kỹ thuật đánh giá được thành lập theo Quyết định số …/QĐ-… ngày….tháng …năm… của….…

**2. Tên hồ sơ máy móc, thiết bị:** …………………………………..

**3. Thời gian họp Hội đồng:**…………………………

 **Địa điểm họp:**……………

**4. Nội dung đánh giá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá**  |
| **I. Nhận xét chung về hồ sơ máy móc, thiết bị** - Mức độ đầy đủ, phù hợp. | **20** |  |
| **II. Nhận xét về sự cần thiết của máy móc, thiết bị** -Trong nước chưa sản xuất được- Phù hợp với dây chuyền công nghệ đang hoạt động về tên gọi, tính năng, công suất | **40** |  |
| **III. Nhận xét về kết quả chứng thư giám định*** Năng lực của tổ chức giám định
 | **30** |  |
| * Nội dung kết luận của chứng thư
 |  |  |
| * Mức độ phù hợp quy định về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường
 |  |  |
| **V. Các nội dung khác** | **10** |  |
| *……………………………………………………………………* |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM** | **100** |  |

Đề xuất được phép nhập khẩu khi: Tổng điểm thành viên phải từ 85 điểm trở lên, trong đó điểm mục II không được thấp hơn 10% so với điểm chuẩn.

**5. Nhận xét chung:**

**6. Đề xuất, kiến nghị:**

*(nêu rõ đề xuất đồng ý hoặc không đồng ý cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị)*

**CHUYÊN GIA, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ**

*(Họ và tên, chữ ký***)**

PHỤ LỤC 04

 …/2018/QĐ-TTg

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*..........., ngày…tháng…năm…*

# BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KỸ THUẬT

HỒ SƠ MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

**I. Thông tin chung:**

1. Tên hồ sơ máy móc, thiết bị : ……………………………………………

2. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị nhập khẩu, địa chỉ: …………………………

3. Quyết định thành lập Hội đồng số…/QĐ-… ngày…tháng…năm… của…về việc…

4. Thành viên Hội đồng:

Tổng số: …………………………………………………………………

Có mặt:…………………………………………………………………...

Vắng mặt:………………………………………………………………...

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

**II. Nội dung làm việc của Hội đồng**

1. Hội đồng đã nghe:

- Phiếu nhận xét của các ủy viên phản biện;

- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (*nếu có*) để Hội đồng tham khảo.

- Ý kiến đại biểu tham gia (nếu có).

2.Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Thành viên Hội đồng | Tổng điểm | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| **Điểm trung bình** |  |  |

Đề xuất được phép nhập khẩu khi: Điểm trung bình từ 85 điểm trở lên và không có điểm thành viên dưới 80 điểm.

**4.Đề xuất, kiến nghị:**

Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị như sau:

*(Về việc đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép hoặc không cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ KHOA HỌC** *(Họ, tên và chữ ký)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG***(Họ, tên và chữ ký)* |